

Số: 08 /BC-CPNT2-BKS

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018, Kế hoạch hoạt động năm 2019, Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2019.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty cổ phần điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Căn cứ:

Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được sửa đổi lần thứ 10 theo Quyết định số 68/QĐ - CPNT2 ngày 26/12/2017 của ĐHCĐ;

Qui chế quản trị nội bộ ban hành theo quyết định số 19/QĐ-CPNT2 ngày 24/4/2018;

Phần I. Kết quả hoạt động kiểm soát trong năm 2018:

1- Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

a) Hoạt động chung của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty cổ phần điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (BKS) nhiệm kỳ 2017-2022 gồm 03 thành viên:

- 1- Ông Nguyễn Hữu Minh Trưởng ban kiểm soát chuyên trách
- 2- Ông Trần Quốc Hùng TV ban kiểm soát kiêm nhiệm
- 3- Ông Nguyễn Văn Kỳ TV Ban kiểm soát kiêm nhiệm

BKS hoạt động trên cơ sở qui chế hoạt động của BKS và kế hoạch hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua. BKS đã hợp phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và làm việc theo nguyên tắc tập thể. Trách nhiệm và quyền hạn của BKS thực hiện theo qui định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Trong năm 2018 BKS đã tổ chức 4 cuộc họp lấy ý kiến của các thành viên để thông qua các nội dung chính: kế hoạch hoạt động năm 2018; báo cáo của BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018; báo cáo thẩm định BCTC Quý/Bán niên/Năm; lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018; kiến nghị sau các cuộc kiểm tra/thanh tra/kiểm toán, ngoài ra BKS còn đóng góp nhiều ý kiến thiết thực trong công tác quản trị Công ty.

Công tác giám sát thường xuyên và định kỳ trong năm chủ yếu tập trung vào việc giám sát thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD 2018; việc chấp hành Điều lệ/Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/HĐQT; hiệu quả hoạt động SXKD và công tác quản lý tài chính của Công ty; giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí.

BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban SXKD, các cuộc họp do HĐQT tổ chức, phối hợp với HĐQT, Ban giám đốc trong việc góp ý kiến xây dựng các Quy chế/Quy định làm cơ sở pháp lý cho công tác quản trị và điều hành SXKD.

b) Đánh giá hoạt động trong năm 2018 của từng thành viên ban kiểm soát:

b.1- Ông Nguyễn Hữu Minh – Trưởng ban kiểm soát:

Đã tham gia đủ 4 cuộc họp BKS, cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, các lĩnh vực của BKS đã được phân công nhiệm vụ. Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao: Tổ chức hoạt động của BKS; Triển khai thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát của BKS, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ đã được phân công cho các thành viên BKS; Chủ trì lập và phê duyệt các báo cáo của BKS định kỳ hoặc theo yêu cầu của TCT điện lực Dầu khí Việt nam-CTCP; Phụ trách các công việc chưa phân công cho các thành viên BKS thuộc chức năng, thẩm quyền của BKS.

Triển khai công tác kiểm tra, giám sát bao gồm: Việc chấp hành Điều lệ, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ/ HĐQT, chỉ thị của cổ đông chi phối PVP/ PVN; Thực hiện Quy chế, Quy trình của Công ty; Công tác bảo toàn và phát triển vốn, quản lý dòng tiền, giám sát công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý hợp đồng thương mại, công tác thực hiện định mức KTKT, tiết kiệm và tiết giảm chi phí; Công tác đầu tư, công tác tái cấu trúc doanh nghiệp; Tình hình thực hiện các kiến nghị của các đoàn kiểm tra/kiểm toán đối với Công ty; Thẩm định báo cáo tài chính quý/bán niên/năm.

b.2- Ông Nguyễn Văn Kỳ – TV ban kiểm soát kiêm nhiệm:

Đã tham gia 4 cuộc họp BKS, cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra giám sát. Hoàn thành tốt công tác giám sát đối với các hoạt động, các lĩnh vực được phân công; giám sát việc chấp hành Điều lệ, thực hiện Nghị Quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT, Quy chế, Quy trình của Công ty; Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư của Công ty, công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý hợp đồng thương mại; Giám sát các hoạt động tài chính như đầu tư vốn ra ngoài Công ty, đầu tư tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các giao dịch chuyển đổi ngoại tệ; Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý/bán niên/ năm của Công ty.

b.3- Ông Trần Quốc Hùng – TV ban kiểm soát kiêm nhiệm:

Đã tham gia đầy đủ 4 cuộc họp BKS, cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát. Đã hoàn thành tốt công tác kiểm tra giám sát trong lĩnh vực/hoạt động được phân công bao gồm: giám sát việc chấp hành Điều lệ, thực hiện Nghị Quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT, Qui chế, Qui trình của Công ty; Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư của Công ty; Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật, các biện pháp tiết kiệm và tiết giảm chi phí của Công ty; Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý/bán niên/ năm của Công ty; Giám sát tình hình thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với Công ty.

2- Kết quả giám sát hoạt động trong năm 2018:

2.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

BKS đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch SXKD năm 2018, thẩm định báo cáo kết quả SXKD của Công ty, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu kế hoạch	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	2	3	4=3/2
1. Sản lượng điện (Tr kWh)	4.600	4.754	103,3%
2. Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	6.961,73	7.669,72	110,2%
3. Tổng chi phí (Tỷ đồng)	6.182,27	6.654,45	92,9%
4. Lợi nhuận gộp (Tỷ đồng)	779,49	1.015,27	130,2%
5. Tổng LN trước thuế (Tỷ đồng)	788,85	823,83	104,4%
6. Thuế TNDN (Tỷ đồng)	39,44	41,66	105,6%
7. LN sau thuế TNDN (Tỷ đồng)	749,41	782,17	104,3%
8. Lãi cơ bản trên CP (đồng/CP)	2533	2618	103,3%

Kết thúc năm kế hoạch 2018, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD chính như: Sản lượng điện năm 2018 sản xuất 4,754 tỷ kWh vượt kế hoạch ĐHĐCĐ giao 3,3%; Doanh thu sản xuất điện năm 2018 thực hiện được 7.669,72 tỷ đồng/ 6.961,73 tỷ đồng vượt 10,2% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 823,83 tỷ, vượt mức 4,4%. Một số yếu tố thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng trực tiếp tới KQSXKD trong năm 2018:

Thuận lợi:

+Chất lượng thiết bị nhà máy sau đại tu tại 50.000 EOH trong năm 2017 được phục hồi, tăng công suất thêm 24MW, công tác tiêu tu trong năm 2018 được kiểm soát chặt chẽ, đã đưa nhà máy đảm bảo yêu cầu vận hành cao và tính khả dụng trong hệ thống điện quốc gia.

+Đội ngũ vận hành viên có nhiều kinh nghiệm vận hành nhà máy theo yêu cầu của thị trường điện, có chuyên môn giỏi và tinh thần trách nhiệm cao trong công tác vận hành. Nhà máy được

vận hành liên tục, đảm bảo các yêu cầu vận hành của hệ thống điện quốc gia, năm 2018 chỉ có 01 sự cố xảy ra trong quá trình chuyển đổi nhiên liệu khí sang dầu DO vào T9/2018.

+Công ty làm tốt công tác chào giá điện và linh hoạt vận hành nhà máy theo cơ chế thị trường với mục tiêu lợi nhuận được ưu tiên.

+So với cùng kỳ năm 2017 tỷ giá ngoại tệ có biến động, đặc biệt biến động tăng của USD vào cuối quý 2, nhưng đến quý 3 và trong quý 4 có xu hướng giảm. Biến động tỷ giá giữa USD và EUR có biến động trái chiều do đó trong quý 4 và tổng thể năm 2018 khi đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ Công ty có khoản lãi về CLTG ghi nhận vào KQSXKD; 12,82 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm 2017 khoản lỗ do CLTG ghi nhận vào KQSXKD; -234,68 tỷ. Đây là yếu tố thuận lợi đã góp phần đạt được kế hoạch lợi nhuận.

Khó khăn:

+Yếu tố thủy văn trong Quý 2 và Quý 3 không thuận lợi cho các nhà máy nhiệt điện, mưa nhiều trên cả nước, các nhà máy thủy điện phải mở cửa xả đáy hồ chứa, do đó các nhà máy nhiệt điện phải giảm công suất phát.

+Do sự cố về thiết bị máy nén khí trong dây chuyền cung cấp khí của lô 06.1 trong quý 2 năm 2018, nên sản lượng cung cấp khí thiếu hụt so với nhu cầu vận hành, đã làm suy giảm khả năng cung cấp điện của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

+Nguồn cung cấp khí suy giảm dẫn tới có những khoảng thời gian cung cấp không đủ lượng khí theo hợp đồng như trong thời gian từ; 28/3/2018 đến ngày 5/6/2018 dẫn tới giảm khả năng vận hành của nhà máy trong thị trường, dẫn tới sản lượng phát không đạt Qc

+Giá khí theo thị trường tăng cao hơn dự báo khi lập kế hoạch chi phí từ 6,06 USD/1 triệu BTU lên đến 7,15 USD/1 triệu BTU tăng gần 18%, dẫn tới giá vốn tăng tương ứng. Do đó tuy sản lượng điện thực phát và doanh thu năm 2018 đều tăng cao hơn so với năm 2017, nhưng lợi nhuận gộp trên doanh thu bị giảm từ 21% năm 2017 xuống còn 13% trong năm 2018.

2.2: Công tác quản trị doanh nghiệp:

Trong năm 2018 Công ty đã ban hành mới, hiệu chỉnh, và bổ sung thêm các qui trình, qui chế nhằm hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp như: Ban hành qui chế quản trị nội bộ Công ty; Qui chế quản lý và sử dụng quỹ KTPL của người lao động và quỹ thưởng của người quản lý; Ban hành qui chế lựa chọn nhà thầu, Ban hành mới qui trình quản lý công tác kế hoạch; Sửa đổi qui chế trả lương, thưởng; Sửa đổi bổ sung qui chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền, ban hành hạn mức số dư tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán, sửa đổi bổ sung qui chế chi tiêu nội bộ.

Việc cập nhật, cải tiến và ban hành mới các tài liệu này đã nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp trong năm 2018.

2.3: Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty đang thực hiện chủ trương cơ cấu lại tổ chức bộ máy phòng ban, phân xưởng, hướng tới tinh gọn, hiệu quả và đáp ứng cao yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện tại.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Sopewaco từ năm 2009, với giá trị ghi sổ 11,140 tỷ đồng, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tương ứng 100% giá trị. Trong năm HĐQT đã ban hành Nghị quyết cho Công ty thực hiện thoái vốn theo phương án nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Hiện tại Công ty đang tiến hành thống nhất trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan với các cổ đông góp vốn vào Sopewaco trong việc nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Công ty Sopewaco.

2.4: Công tác quản lý tài chính, kế toán:

*** Công tác quản lý vốn bằng tiền:**

Trong năm 2018 Công ty đã ban hành bổ sung hạn mức tiền gửi không kỳ hạn trên các tài khoản thanh toán nhằm kiểm soát số dư tiền gửi không kỳ hạn, đã đánh giá, phê duyệt lại danh sách và hạn mức tiền gửi các tổ chức tín dụng có quan hệ giao dịch và áp dụng trong công tác quản lý vốn bằng tiền, nhằm tối đa hóa lợi ích cho Công ty, đảm bảo nhu cầu thanh toán cho hoạt động sản xuất, trả nợ vay dài hạn cũng như chi trả cổ tức cho các cổ đông.

*** Công tác quản lý vật tư, hàng tồn kho:**

Chỉ tiêu hàng tồn kho hiện đang chiếm tỷ lệ đáng kể trên tổng tài sản, Công ty luôn phải duy trì số lượng vật tư tồn kho cần thiết cho sản xuất, nhưng phải tính toán đến chi phí vốn. Vì vậy yêu cầu phải xây dựng định mức vật tư tồn kho là cần thiết, trong quá trình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên đã có kiến nghị với Công ty để thực hiện.

Định kỳ 6 tháng Công ty đã tiến hành kiểm kê, đánh giá chất lượng vật tư, nhiên liệu tồn kho, kết quả kiểm kê có một lượng vật tư tồn kho lâu năm, BKS đã kiến nghị xử lý trong các báo cáo giám sát thường xuyên.

*** Công tác thu hồi công nợ- thanh toán nợ:**

Công tác thu hồi công nợ trong năm 2018 không được tốt so với năm 2017 và các năm trước. Các khoản tiền điện phải thu không thu được ngay trong tháng, kéo dài sang tháng sau, đến 31/12/2018 chưa thu hồi được các khoản nợ: tiền điện phải trả trong T12/2018, tiền điện còn lại của T5 & T11/2018, tiền điện hồi tố (từ 2011-2013) đợt 4 phải thu trong năm 2018. Do chưa thu hồi được nợ trong T12 nên công nợ tiền khí của PVGas tăng tương ứng.

Để cân đối nguồn tiền trả nợ vay dài hạn và chi trả cổ tức trong năm 2018 và phục vụ sản xuất, Công ty đã phải đi vay vốn lưu động từ các tổ chức tín dụng cho nhu cầu thanh toán.

2.5: Công tác lựa chọn nhà thầu, mua sắm và quản lý thực hiện hợp đồng:

Trong năm 2018 Công ty ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu để quản lý công tác lựa chọn nhà thầu, mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ cho SXKD, thông qua các hình thức được qui định như: đấu thầu rộng rãi trong nước, chào hàng cạnh tranh, mua trực tiếp từ nhà sản xuất thiết bị gốc, để phục vụ công tác tiêu tu trong năm 2018 và phục vụ sản xuất thường xuyên theo kế hoạch 2018 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Công tác lựa chọn nhà thầu và quản lý hợp đồng cơ bản được đánh giá tuân thủ qui định, tuy nhiên còn một số tồn tại BKS đã nêu kiến nghị Công ty tại các báo cáo hoạt động giám sát thường xuyên.

2.6: Công tác thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật:

Trong năm 2018, Công ty vận hành thương mại cả bằng nhiên liệu khí và nhiên liệu phụ là dầu DO, các định mức KTKT như: Suất hao nhiệt chu trình hỗn hợp, Phần trăm điện tự dùng, Các loại hóa chất sử dụng trong sản xuất điện và thí nghiệm đều đạt so với định mức kinh tế kỹ thuật phê duyệt áp dụng trong năm 2018. Riêng suất hao nhiệt chu trình đơn chưa đạt so với định mức đã phê duyệt.

Trong năm 2018 chỉ xảy ra 01 sự cố/định mức 05 sự cố về vận hành. Nhà máy luôn đảm bảo an toàn và đáp ứng độ khả dụng cao.

2.7: Công tác nhân sự, tuyển dụng, sử dụng lao động.

Tại thời điểm 31/12/2018 cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty gồm HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, 7 Phòng chức năng, 1 Phân xưởng vận hành và Chi nhánh TP HCM (Giám đốc Công ty kiêm nhiệm chức danh Giám đốc CN).

Tổng số nhân sự của Công ty đến 31/12/2018 là 186 lao động trong đó số lao động gián tiếp 108 người, lao động trực tiếp 78 người. Trong năm 2018 giảm 01 lao động do nghỉ chế độ hưu trí, giảm 04 lao động theo nguyện vọng cá nhân và tăng 05 lao động do Công ty tuyển mới. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo Quy chế tuyển dụng và đào tạo.

Việc trích lập và sử dụng quỹ KTPL, quỹ thưởng BDH được Công ty thực hiện trên cơ sở số liệu quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2017 theo hướng dẫn tại thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH. Công ty thực hiện phân phối các quỹ theo các qui định tại qui chế tài chính và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2.8: Kết quả giám sát tình hình thực hiện theo kiến nghị của các đoàn kiểm tra:

Năm 2018 các đoàn kiểm tra, kiểm toán, thanh tra chuyên ngành làm việc tại Công ty gồm: Ban kiểm soát Tổng công ty PVPower- CTCP đã làm việc tại Công ty với dung kiểm tra về thương mại, đấu thầu, quản lý hợp đồng, giám sát thực hiện tiết kiệm/tiết giảm chi phí
Cổ đông chi phối - PVPower kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của doanh nghiệp năm 2017.

Công ty đã thực hiện một số kiến nghị của đoàn công tác kiểm tra đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2017 của cổ đông chi phối PVP trong năm 2018.

KTNN chuyên ngành VI thực hiện kiểm toán BCTC năm 2017 và các hoạt động liên quan đến công tác quản lý vốn và sử dụng tài sản nhà nước theo quyết định số 1878/QĐ-KTNN ngày 10/9/2018. Kết thúc thời gian kiểm toán tại đơn vị, KTNN đã có ban hành kết luận kiểm toán, đã kiến nghị tăng nộp NSNN và chấn chỉnh một số tồn tại trong công tác quản lý tại đơn vị. Công ty đã thực hiện xong một số kiến nghị của KTNN.

Ngoài ra trong năm 2018 Công ty còn làm việc với các đoàn kiểm tra chuyên ngành của Cục cảnh sát PCCC, đoàn kiểm tra chuyên ngành về môi trường của Bộ công thương. Tại biên bản kết luận thanh tra/kiểm tra chuyên ngành, Công ty được đánh giá là thực hiện tốt các qui định Pháp luật về PCCC, công tác bảo vệ môi trường, công tác an toàn, vệ sinh.

Công ty đã thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra về PCCC, về môi trường.

Phần 2: Kết quả thẩm định BCTC năm 2018:

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt nam kiểm toán theo qui định tại Điều lệ và Nghị quyết của HĐQT phê duyệt đơn vị kiểm toán năm 2018.

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả SXKD năm 2018 và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Ban kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và Thư quản lý của Công ty TNHH Deloitte Việt nam.

Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành.

Thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo qui định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thực hiện lập và nộp báo cáo quản trị đầy đủ theo qui định của PVPower-CTCP.

Tóm tắt các chỉ tiêu tài chính trên BCTC tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Các chỉ tiêu về Tài sản- Nguồn vốn:

Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 31/12/2018	Số tiền Tăng/Giảm	% Tăng/Giảm
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	3.101,03	2.847,18	(253,85)	(8,18)
Tiền & đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	1.045,96	65,6	(980,36)	(93,72)
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	1.795,32	2.520,28	724,96	40,38
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	259,37	260,94	1,57	0,60
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	6.863,07	6.005,06	(858,01)	(12,5)
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	9.964,10	8.852,24	(1.111,86)	(11,15)

Nợ phải trả	Tỷ đồng	4.978,88	5.168,77	189,89	3,81
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	2.283,99	3.572,24	1.288,25	56,4
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	2.694,89	1.596,52	(1.098,37)	(40,75)
Nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	4.985,22	3.683,47	(1.301,75)	(26,11)
Tổng Nguồn vốn	Tỷ đồng	9.964,10	8.852,24	(1.111,86)	(11,15)

Các nguyên nhân biến động của Tổng tài sản:

-Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2018 giảm 1.111,86 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 11,15% so với thời điểm 31/12/2017 là do:

-Tài sản ngắn hạn giảm 253,85 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 8,18%. Tài sản giảm nhiều nhất là tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 980,36 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 93,72%, nguyên nhân là do trong năm 2018 Công ty thực hiện chi trả cổ tức của các năm 2017 về trước và tạm ứng cổ tức năm 2018 với tổng số tiền đã trả: 1.809,52 tỷ đồng, chi trả gốc vay ngắn hạn 490,00 tỷ đồng, trả gốc vay dài hạn trong năm: 1.064,37 tỷ đồng.

-Chỉ tiêu các khoản phải thu ngắn hạn trong mục tài sản ngắn hạn tăng 724,96 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 40,38% so với thời điểm 31/12/2017 nguyên nhân chính là do tăng công nợ phải thu khách hàng từ 1.682,18 tỷ đồng lên đến 2.418,13 tỷ đồng tăng 735,95 tỷ đồng với tỷ lệ tăng 43,74% so với thời điểm 31/12/2017. Nguyên nhân tăng là năm 2018 công tác thanh toán công nợ từ EVN/EPTC thực hiện chưa được tốt so với cùng kỳ năm 2017 và các năm về trước, chỉ có tiền điện phải thu trong tháng 9/2018 là thu được dứt điểm từ EVN/EPTC trong tháng, còn lại tiền điện phải thu hàng tháng theo qui định trong hợp đồng PPA, tiền điện hồi tố không được thanh toán dứt điểm trong tháng, đều phải chuyển dư nợ phải thu sang tháng kế tiếp. Không thu hồi kịp tiền điện đến 31/12/2018 là nguyên nhân dẫn tới tăng nợ ngắn hạn, các khoản tiền và tương đương tiền trên BCTC bị giảm sút.

Việc chậm trễ trong thanh toán công nợ đã làm giảm doanh thu tài chính, tăng chi phí vay vốn lưu động, ảnh hưởng đến các chỉ số đánh giá sự lành mạnh tài chính như số ngày phải thu hồi công nợ/trả nợ, vòng quay vốn, ảnh hưởng tới kế hoạch sử dụng vốn bằng tiền.

-Chỉ tiêu hàng tồn kho tăng nhẹ 1,57 tỷ so với thời điểm 31/12/2017, nguyên nhân là phần lớn các hợp đồng mua vật tư trong kế hoạch 2018 có kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng vào quý 4, dẫn đến thời điểm bên bán giao vật tư cho Công ty dời sang năm 2019.

-Tài sản dài hạn giảm 858,01 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 12,5% so với thời điểm 31/12/2017 là do thực hiện trích khấu hao TSCĐ trong năm với giá trị 694,04 tỷ đồng và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn như: chi phí đại tu tại 50.000 EOH, bảo hiểm khoản vay dài hạn đầu tư xây dựng nhà máy do Chính phủ bảo lãnh, chi phí ban đầu của hợp đồng LTMA, hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại do hoàn nhập chi phí trích trước với tổng giá trị 172,42 tỷ đồng.

Các nguyên nhân biến động của Tổng nguồn vốn:

Tổng nguồn vốn giảm 1.111,86 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm: 11,15% so với thời điểm 31/12/2017 do các nguyên nhân:

- Tổng nợ phải trả tăng 189,89 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 3,81% do:

Nợ ngắn hạn tăng lên 1.288,25 tỷ đồng với tỷ lệ tăng 56,40% là do nợ phải trả cho người bán tăng lên do chưa thu hồi kịp công nợ tiền điện, tiền điện hồi tố trong năm dẫn tới không có nguồn chi trả cho PVGas, do thay đổi chính sách thanh toán hợp đồng mua sắm vật tư, tiền giữ lại chờ quyết toán hợp đồng tăng từ 5% lên 15% giá trị hợp đồng. Do trong quý 4 Công ty giải ngân vay vốn lưu động 330 tỷ thời hạn vay 3 tháng từ 31/10/2018 đến 31/1/2019, và khoản tạm ứng 9% cổ tức đợt 2 năm 2018 sẽ chi trả vào ngày 17/6/2019 được ghi nhận vào nợ phải trả ngắn hạn.

Nợ dài hạn giảm 1.098,37 tỷ tương ứng tỷ lệ giảm 40,75% so với thời điểm 31/12/2017 là do hạch toán chuyển nguồn khoản nợ vay dài hạn đầu tư xây dựng nhà máy do Chính phủ bảo lãnh sang nợ ngắn hạn phải trả trong năm 2019 theo qui định của chế độ kế toán.

-Nguồn vốn chủ sở hữu giảm 1.301,79 tỷ đồng tương ứng giảm 26,11% so với thời điểm 31/12/2017 là do ghi nhận khoản lợi nhuận sau thuế được tạo ra trong năm 782,11 tỷ đồng và chuyển nguồn từ LNCPP sang nợ phải trả ngắn hạn để thực hiện các đợt chi trả cổ tức trong năm 2018 và chi trả tạm ứng 9% cổ tức đợt 2 năm 2018 vào ngày 17/6/2019.

Qua đánh giá các chỉ số tài chính dựa trên số liệu Bảng cân đối kế toán, báo cáo KQSXKD và báo cáo LCTT chúng tôi thấy:

Công ty đã thực hiện tốt việc bảo toàn và phát triển vốn điều lệ, thu xếp, cân đối đủ nguồn tiền để chi trả cổ tức theo kế hoạch của HĐQT, chi trả khoản nợ vay dài hạn đầu tư xây dựng nhà máy do Chính phủ bảo lãnh trong năm 2018 và đảm bảo nguồn tài chính phục vụ sản xuất thường xuyên, liên tục, có các phương án tài chính dự phòng vốn lưu động phục vụ sản xuất thường xuyên và lên kế hoạch trả nợ vay dài hạn trong năm 2019, kế hoạch chi trả tạm ứng cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết của HĐQT Công ty. Tình hình tài chính Công ty được đánh giá là lành mạnh. Các chỉ số đánh giá chất lượng tài chính tại thời điểm 31/12/2018 được thể hiện tại **Phụ lục 01** kèm theo báo cáo này.

Phần 3: Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng của ĐHĐCĐ, triển khai các nhiệm vụ cụ thể để đạt được kết quả tốt nhất.

BKS thực hiện công tác kiểm tra giám sát thường xuyên và định kỳ, thực hiện thẩm tra BCTC quý/ bán niên / năm của Công ty, công tác thực hiện không chỉ bao gồm kiểm tra chứng từ, hợp

đồng thực hiện và các hồ sơ liên quan mà còn đưa ra các kiến nghị bằng văn bản đối với HĐQT và Ban giám đốc nhằm mục tiêu tuân thủ và hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty.

Các nội dung kiến nghị của BKS đã được HĐQT và Ban giám đốc ghi nhận và thống nhất chấn chỉnh để công tác quản lý tốt hơn nữa.

Công ty đã chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết, báo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, chi trả và tạm ứng cổ tức được công bố kịp thời, đầy đủ, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính xác cho cổ đông và các nhà đầu tư.

3.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện quyết liệt các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018. Định kỳ HĐQT tiến hành họp đánh giá kết quả hoạt động SXKD và đưa ra chiến lược, định hướng nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Đối với các vấn đề đột xuất HĐQT thực hiện gửi phiếu lấy ý kiến thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

Trong năm 2018 HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp trực tiếp và 45 lần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Đã ban hành 22 Nghị quyết, 65 Quyết định và các văn bản khác để quản lý hoạt động SXKD cũng như hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp tại Công ty.

Các Nghị quyết/Quyết định được HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.2 Hoạt động của Ban giám đốc:

Công tác điều hành SXKD của Ban giám đốc đã tuân thủ luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty. Ban giám đốc đã theo dõi sát sao diễn biến của thị trường điện và những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, phân tích đánh giá đầy đủ khó khăn, thuận lợi, thường xuyên thực hiện công tác quản trị rủi ro để phòng ngừa thiệt hại và dự báo để đón cơ hội, đã tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc đã chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Đã tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, phát động thi đua nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tối ưu hóa qui trình vận hành, qui trình chào giá điện, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý, điều hành.

Ban giám đốc đã hỗ trợ và tạo điều kiện để BKS thực hiện chức năng của mình, các cuộc họp giao ban sản xuất định kỳ của Công ty đều có sự tham gia của BKS.

3.3 Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc:

BKS đã có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty và Cổ đông.

HĐQT, Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban sản xuất định kỳ của Công ty. BKS đã thông báo cho HĐQT và Ban giám đốc về kế hoạch hoạt động kiểm tra giám sát năm 2018 để phối hợp hành động. BKS đã được xem xét các kết luận sau các đợt kiểm tra, KTNN, thanh tra chuyên ngành, báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán Deloitte, xem xét các ý kiến phản hồi của HĐQT và Ban giám đốc. Các báo cáo hoạt động của BKS đều được tham khảo ý kiến HĐQT trước khi trình Cổ đông.

BKS thực hiện thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước khi trình ĐHĐCĐ. Báo cáo kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý, điều hành, tình hình quản lý và sử dụng vốn, khả năng thanh toán, công tác kiểm tra, giám sát của cổ đông chi phối, của cơ quan chức năng, tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính hàng quý của Ban kiểm soát đều được gửi tới HĐQT và Ban giám đốc.

Phần 4: Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019:

4.1. Nội dung công việc:

Thực hiện kiểm tra giám sát công tác triển khai nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2019 và công tác khác theo nội dung các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT.

Đánh giá, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập BCTC năm 2019. Thực hiện công tác giám sát tài chính, kiểm tra việc bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động tài chính, kiểm tra và giám sát việc tuân thủ qui định Pháp luật, Điều lệ hoạt động, các Qui chế, Qui định của Công ty.

Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật năm 2018 và việc thực hiện các chỉ tiêu tiết kiệm, tiết giảm chi phí đã đăng ký. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện trích lập, và phân phối các quỹ lương, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, việc chi trả cổ tức theo nghị quyết của HĐQT.

Thực hiện giám sát công tác lựa chọn nhà thầu, kiểm tra giám sát công tác quản lý các hợp đồng mua sắm vật tư thiết bị, dịch vụ phục vụ SXKD.

Thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính hàng Quý/Bán niên/Năm 2019, thẩm định quyết toán quỹ lương năm 2018.

Giám sát thực hiện các kết luận kiểm tra, kiểm toán, thanh tra của các đoàn kiểm tra, kiểm soát của cổ đông chi phối PVPower và của các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác đã được qui định trong Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty.

4.2 Quyết toán kinh phí năm 2018 và dự toán thù lao TV ban kiểm soát năm 2019:

Thực hiện kế hoạch kiểm soát năm 2019, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

Quyết toán kinh phí hoạt động năm 2018;

Thù lao cho kiểm soát viên kiêm nhiệm: 2.500.000 đ/người/tháng x 2 người x 12 tháng: 60.000.000 đồng.

Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua thù lao cho kiểm soát viên kiêm nhiệm năm 2019 với mức là 2.500.000 đồng/người/tháng.

Phần 5: Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2019.

Căn cứ danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước (SSC) chấp thuận đủ điều kiện kiểm toán các Công ty niêm yết. Ban kiểm soát kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT & BKS Công ty đánh giá, lựa chọn một trong số các Công ty kiểm toán sau: Công ty TNHH Deloitte Việt nam; Công ty TNHH Ernst and Young Việt nam; Công ty TNHH KPMG Việt nam; Công ty TNHH PWC Việt nam; Công ty TNHH VACO thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018, phương hướng hoạt động năm 2019 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hữu Minh

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT PVNT2
- Ban GD PVNT2
- Lưu: VT; BKS.

Đính kèm:

- Phụ lục 01

PHỤ LỤC 01: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2018

Stt	Nội dung chỉ tiêu	Giá trị
I	Chỉ tiêu đánh giá mức độ độc lập tài chính	
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu - ROE	18.0%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	27.2%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - ROA	8.3%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10.2%
5	Tỷ lệ lãi gộp/Doanh thu thuần	13.2%
6	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu - EPS	2,618
II	Các hệ số hoạt động	
1	Vòng quay tổng tài sản (DT/Tổng tài sản bq)	0.82
2	Vòng quay tài sản cố định	1.30
3	Kỳ thu tiền bình quân (Số ngày/vòng quay các khoản phải thu)	75
4	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0.32
5	Vòng quay các khoản phải trả	5.21
6	Thời gian phải trả trung bình (Số ngày/vòng quay các khoản phải trả)	70
7	Hiệu suất sử dụng vốn cố định (Doanh thu/Tài sản dài hạn bình quân)	1.19
III	Các hệ số về cơ cấu vốn	
1	Tổng nợ/Tổng tài sản	0.58
2	Hệ số tài trợ (Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn)	0.42
3	Hệ số nợ nguồn vốn chủ sở hữu	1.40
4	Tỉ lệ vay (ngắn hạn và dài hạn) so với vốn chủ sở hữu	0.80
5	Hệ số bảo toàn vốn	1.00
IV	Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán	
1	Hệ số thanh toán bằng tiền	0.02
2	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	0.80
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	0.7



Handwritten signature or mark.